

Phụ lục I
KẾT QUẢ LẤY Ý KIẾN CỬ TRI ĐỐI VỚI ĐỀ ÁN SẮP XẾP
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH GIA LAI VÀ TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(3)	(6)	(7)=(6)/(3)	(8)	(9)=(8)/(3)
A	TỈNH BÌNH ĐỊNH							
I	THÀNH PHỐ QUY NHƠN	71.254	70.422	98,83%	67.834	95,20%	2.588	3,63%
1	Phường Bùi Thị Xuân	4.751	4.554	95,85%	4.436	93,37%	118	2,48%
2	Phường Đống Đa	8.479	8.374	98,76%	7.868	92,79%	506	5,97%
3	Phường Ghềnh Ráng	3.047	3.001	98,49%	2.945	96,65%	56	1,84%
4	Phường Hải Cảng	3.524	3.458	98,13%	3.373	95,72%	85	2,41%
5	Phường Ngô Mỹ	4.953	4.953	100%	4.770	96,31%	183	3,69%
6	Phường Nguyễn Văn Cừ	2.909	2.868	98,59%	2.802	96,32%	66	2,27%
7	Phường Nhơn Bình	6.509	6.411	98,49%	5.802	89,14%	609	9,36%
8	Phường Nhơn Phú	5.421	5.421	100%	5.275	97,31%	146	2,69%
9	Phường Quang Trung	6.881	6.748	98,07%	6.485	94,25%	263	3,82%
10	Phường Thị Nại	6.290	6.290	100%	6.108	97,11%	182	2,89%
11	Phường Trần Phú	5.907	5.806	98,29%	5.730	97,00%	76	1,29%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
12	Phường Trần Quang Diệu	5.335	5.317	99,66%	5.180	97,09%	137	2,57%
13	Xã Nhơn Châu	585	585	100%	580	99,15%	5	0,85%
14	Xã Nhơn Hải	1.430	1.430	100%	1.325	92,66%	105	7,34%
15	Xã Nhơn Hội	1.321	1.294	97,96%	1.272	96,29%	22	1,67%
16	Xã Nhơn Lý	1.986	1.986	100%	1.972	99,30%	14	0,70%
17	Xã Phước Mỹ	1.926	1.926	100%	1.911	99,22%	15	0,78%
II	THỊ XÃ AN NHƠN	50.050	49.910	99,72%	49.520	98,94%	390	0,78%
1	Phường Bình Định	4.705	4.641	98,64%	4.610	97,98%	31	0,66%
2	Phường Đập Đá	4.641	4.641	100%	4.626	99,68%	15	0,32%
3	Phường Nhơn Hòa	5.391	5.391	100%	5.288	98,09%	103	1,91%
4	Phường Nhơn Hưng	3.404	3.404	100%	3.372	99,06%	32	0,94%
5	Phường Nhơn Thành	3.700	3.696	99,89%	3.686	99,62%	10	0,27%
6	Xã Nhơn An	2.942	2.942	100%	2.915	99,08%	27	0,92%
7	Xã Nhơn Hạnh	2.856	2.856	100%	2.782	97,41%	74	2,59%
8	Xã Nhơn Hậu	3.975	3.975	100%	3.975	100%	0	0%
9	Xã Nhơn Khánh	2.456	2.406	97,96%	2.332	94,95%	74	3,01%
10	Xã Nhơn Lộc	2.503	2.503	100%	2.503	100%	0	0%
11	Xã Nhơn Mỹ	3.271	3.271	100%	3.265	99,82%	6	0,18%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
12	Xã Nhơn Phong	2.462	2.440	99,11%	2.433	98,82%	7	0,28%
13	Xã Nhơn Phúc	3.024	3.024	100%	3.016	99,74%	8	0,26%
14	Xã Nhơn Tân	2.261	2.261	100%	2.261	100%	0	0%
15	Xã Nhơn Thọ	2.459	2.459	100%	2.456	99,88%	3	0,12%
III	THỊ XÃ HOÀI NHƠN	60.892	60.005	98,54%	59.092	97,04%	913	1,50%
1	Phường Bồng Sơn	4.977	4.962	99,70%	4.803	96,50%	159	3,19%
2	Phường Hoài Đức	4.622	4.617	99,89%	4.563	98,72%	54	1,17%
3	Phường Hoài Hảo	3.773	3.639	96,45%	3.552	94,14%	87	2,31%
4	Phường Hoài Hương	4.978	4.978	100%	4.945	99,34%	33	0,66%
5	Phường Hoài Tân	4.674	4.674	100%	4.585	98,10%	89	1,90%
6	Phường Hoài Thanh	3.272	3.184	97,31%	3.064	93,64%	120	3,67%
7	Phường Hoài Thanh Tây	3.154	3.097	98,19%	3.058	96,96%	39	1,24%
8	Phường Hoài Xuân	2.609	2.511	96,24%	2.496	95,67%	15	0,57%
9	Phường Tam Quan	3.459	3.418	98,81%	3.351	96,88%	67	1,94%
10	Phường Tam Quan Bắc	5.052	4.949	97,96%	4.886	96,71%	63	1,25%
11	Phường Tam Quan Nam	3.549	3.466	97,66%	3.380	95,24%	86	2,42%
12	Xã Hoài Châu	3.005	2.939	97,80%	2.936	97,70%	3	0,10%
13	Xã Hoài Châu Bắc	2.997	2.937	98,00%	2.937	98,00%	0	0%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
14	Xã Hoài Hải	1.708	1.708	100%	1.701	99,59%	7	0,41%
15	Xã Hoài Mỹ	3.602	3.602	100%	3.585	99,53%	17	0,47%
16	Xã Hoài Phú	2.595	2.554	98,42%	2.553	98,38%	1	0,04%
17	Xã Hoài Sơn	2.866	2.770	96,65%	2.697	94,10%	73	2,55%
IV	HUYỆN PHÙ CÁT	56.313	56.161	99,73%	55.484	98,53%	661	1,17%
1	Thị trấn Ngô Mỹ	3.679	3.679	100%	3.523	95,76%	141	3,83%
2	Thị trấn Cát Tiến	3.371	3.366	99,85%	3.288	97,54%	78	2,31%
3	Thị trấn Cát Khánh	4.305	4.304	99,98%	4.269	99,16%	35	0,81%
4	Xã Cát Chánh	1.996	1.977	99,05%	1.930	96,69%	47	2,35%
5	Xã Cát Hải	2.269	2.269	100%	2.257	99,47%	12	0,53%
6	Xã Cát Hanh	4.269	4.269	100%	4.175	97,80%	94	2,20%
7	Xã Cát Hiệp	2.476	2.476	100%	2.466	99,60%	10	0,40%
8	Xã Cát Hưng	2.076	2.076	100%	2.074	99,90%	2	0,10%
9	Xã Cát Lâm	2.026	2.026	100%	2.019	99,65%	7	0,35%
10	Xã Cát Minh	3.995	3.869	96,85%	3.857	96,55%	12	0,30%
11	Xã Cát Nhơn	2.829	2.829	100%	2.827	99,93%	2	0,07%
12	Xã Cát Sơn	1.610	1.610	100%	1.603	99,57%	7	0,43%
13	Xã Cát Tài	2.917	2.917	100%	2.884	98,87%	33	1,13%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
14	Xã Cát Tân	4.955	4.955	100%	4.930	99,50%	24	0,48%
15	Xã Cát Thắng	2.184	2.184	100%	2.184	100%	0	0%
16	Xã Cát Thành	2.794	2.794	100%	2.709	96,96%	85	3,04%
17	Xã Cát Trinh	4.055	4.055	100%	4.042	99,68%	13	0,32%
18	Xã Cát Tường	4.507	4.506	99,98%	4.447	98,67%	59	1,31%
V	HUYỆN PHÙ MỸ	47.409	47.299	99,77%	46.932	98,99%	366	0,77%
1	Thị trấn Phù Mỹ	3.395	3.395	100%	3.382	99,62%	13	0,38%
2	Thị trấn Bình Dương	1.702	1.693	99,47%	1.682	98,82%	11	0,65%
3	Xã Mỹ An	2.698	2.698	100%	2.679	99,30%	19	0,70%
4	Xã Mỹ Cát	1.793	1.793	100%	1.789	99,78%	4	0,22%
5	Xã Mỹ Chánh	3.492	3.492	100%	3.466	99,26%	26	0,74%
6	Xã Mỹ Chánh Tây	1.262	1.262	100%	1.261	99,92%	1	0,08%
7	Xã Mỹ Châu	2.489	2.489	100%	2.488	99,96%	0	0%
8	Xã Mỹ Đức	2.096	2.096	100%	2.090	99,71%	6	0,29%
9	Xã Mỹ Hiệp	4.148	4.148	100%	4.128	99,52%	20	0,48%
10	Xã Mỹ Hòa	2.173	2.173	100%	2.157	99,26%	16	0,74%
11	Xã Mỹ Lộc	2.016	2.016	100%	2.016	100%	0	0%
12	Xã Mỹ Lợi	1.987	1.987	100%	1.981	99,70%	6	0,30%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
13	Xã Mỹ Phong	2.329	2.323	99,74%	2.316	99,44%	7	0,30%
14	Xã Mỹ Quang	1.948	1.948	100%	1.930	99,08%	18	0,92%
15	Xã Mỹ Tài	2.662	2.662	100%	2.638	99,10%	24	0,90%
16	Xã Mỹ Thắng	2.835	2.830	99,82%	2.806	98,98%	24	0,85%
17	Xã Mỹ Thành	2.779	2.777	99,93%	2.759	99,28%	18	0,65%
18	Xã Mỹ Thọ	3.807	3.719	97,69%	3.570	93,77%	149	3,91%
19	Xã Mỹ Trinh	1.798	1.798	100%	1.794	99,78%	4	0,22%
VI	HUYỆN TUY PHƯỚC	54.999	53.786	97,79%	52.972	96,31%	783	1,42%
1	Thị trấn Tuy Phước	4.070	4.070	100%	3.993	98,11%	77	1,89%
2	Thị trấn Diêu Trì	3.772	3.553	94,19%	3.399	90,11%	154	4,08%
3	Xã Phước An	5.481	5.416	98,81%	5.354	97,68%	62	1,13%
4	Xã Phước Hiệp	4.588	4.588	100%	4.485	97,76%	81	1,77%
5	Xã Phước Hòa	5.004	4.902	97,96%	4.892	97,76%	8	0,16%
6	Xã Phước Hưng	3.915	3.817	97,50%	3.805	97,19%	12	0,31%
7	Xã Phước Lộc	4.596	4.596	100%	4.556	99,13%	40	0,87%
8	Xã Phước Nghĩa	1.447	1.447	100%	1.397	96,54%	43	2,97%
9	Xã Phước Quang	4.069	3.855	94,74%	3.835	94,25%	20	0,49%
10	Xã Phước Sơn	6.753	6.540	96,85%	6.496	96,19%	44	0,65%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
11	Xã Phước Thắng	2.708	2.680	98,97%	2.676	98,82%	4	0,15%
12	Xã Phước Thành	3.520	3.493	99,23%	3.386	96,19%	107	3,04%
13	Xã Phước Thuận	5.076	4.829	95,13%	4.698	92,55%	131	2,58%
VII	HUYỆN TÂY SƠN	38.643	38.119	98,64%	37.837	97,91%	282	0,73%
1	Thị trấn Phú Phong	6.307	6.307	100%	6.250	99,10%	57	0,90%
2	Xã Bình Hòa	2.561	2.431	94,92%	2.422	94,57%	9	0,35%
3	Xã Bình Nghi	4.290	4.236	98,74%	4.219	98,34%	17	0,40%
4	Xã Bình Tân	2.245	2.128	94,79%	2.113	94,12%	15	0,67%
5	Xã Bình Thành	2.885	2.854	98,93%	2.851	98,82%	3	0,10%
6	Xã Bình Thuận	2.382	2.382	100%	2.376	99,75%	6	0,25%
7	Xã Bình Tường	2.715	2.715	100%	2.713	99,93%	2	0,07%
8	Xã Tây An	1.443	1.401	97,09%	1.310	90,78%	91	6,31%
9	Xã Tây Bình	1.616	1.522	94,18%	1.509	93,38%	13	0,80%
10	Xã Tây Giang	3.315	3.315	100%	3.304	99,67%	11	0,33%
11	Xã Tây Phú	2.582	2.536	98,22%	2.517	97,48%	19	0,74%
12	Xã Tây Thuận	2.037	2.037	100%	2.037	100%	0	0%
13	Xã Tây Vinh	1.806	1.806	100%	1.788	99,00%	18	1,00%
14	Xã Tây Xuân	2.000	1.990	99,50%	1.969	98,45%	21	1,05%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
15	Xã Vĩnh An	459	459	100%	459	100%	0	0%
VIII	HUYỆN HOÀI ÂN	27.035	25.993	96,15%	25.374	93,86%	619	2,29%
1	Thị trấn Tăng Bạt Hổ	2.353	2.219	94,31%	2.119	90,06%	100	4,25%
2	Xã Ân Đức	2.794	2.564	91,77%	2.531	90,59%	33	1,18%
3	Xã Ân Hảo Đông	2.198	2.038	92,72%	1.927	87,67%	111	5,05%
4	Xã Ân Hảo Tây	1.341	1.312	97,84%	1.306	97,39%	6	0,45%
5	Xã Ân Hữu	1.569	1.569	100%	1.530	97,51%	39	2,49%
6	Xã Ân Mỹ	1.594	1.594	100%	1.565	98,18%	29	1,82%
7	Xã Ân Nghĩa	2.769	2.699	97,47%	2.619	94,58%	80	2,89%
8	Xã Ân Phong	2.198	2.103	95,68%	2.101	95,59%	2	0,09%
9	Xã Ân Sơn	194	194	100%	143	73,71%	51	26,29%
10	Xã Ân Thạnh	2.715	2.517	92,71%	2.500	92,08%	17	0,63%
11	Xã Ân Tín	2.430	2.430	100%	2.428	99,92%	2	0,08%
12	Xã Ân Tường Đông	1.513	1.506	99,54%	1.490	98,48%	16	1,06%
13	Xã Ân Tường Tây	2.419	2.313	95,62%	2.180	90,12%	133	5,50%
14	Xã Bok Tới	539	526	97,59%	526	97,59%	0	0%
15	Xã Đak Mang	409	409	100%	409	100%	0	0%
IX	HUYỆN VÂN CANH	9.029	8.947	99,09%	8.778	97,22%	169	1,87%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
1	Thị trấn Vân Canh	1.923	1.878	97,66%	1.854	96,41%	24	1,25%
2	Xã Canh Hiền	970	970	100%	967	99,69%	3	0,31%
3	Xã Canh Hiệp	739	734	99,32%	621	84,03%	113	15,29%
4	Xã Canh Hòa	608	608	100%	599	98,52%	9	1,48%
5	Xã Canh Liên	827	806	97,46%	806	97,46%	0	0%
6	Xã Canh Thuận	1.024	1.024	100%	1.004	98,05%	20	1,95%
7	Xã Canh Vinh	2.938	2.927	99,63%	2.927	99,63%	0	0%
XI	HUYỆN VĨNH THẠNH	10.142	9.967	98,27%	9.792	96,55%	175	1,73%
1	Thị trấn Vĩnh Thạnh	2.090	2.057	98,42%	2.038	97,51%	19	0,91%
2	Xã Vĩnh Hảo	893	881	98,66%	879	98,43%	2	0,22%
3	Xã Vĩnh Hiệp	1.053	1.053	100%	1.051	99,81%	2	0,19%
4	Xã Vĩnh Hòa	586	586	100%	566	96,59%	20	3,41%
5	Xã Vĩnh Kim	585	585	100%	517	88,38%	68	11,62%
6	Xã Vĩnh Quang	1.519	1.519	100%	1.491	98,16%	28	1,84%
7	Xã Vĩnh Sơn	1.009	1.009	100%	1.009	100%	0	0%
8	Xã Vĩnh Thịnh	1.932	1.802	93,27%	1.796	92,96%	6	0,31%
9	Xã Vĩnh Thuận	475	475	100%	445	93,68%	30	6,32%
XI	HUYỆN AN LÃO	9.527	9.484	99,55%	9.453	99,22%	30	0,31%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
1	Thị trấn An Lão	1.358	1.330	97,94%	1.328	97,79%	2	0,15%
2	Xã An Dũng	540	540	100%	540	100%	0	0%
3	Xã An Hòa	3.545	3.545	100%	3.534	99,69%	11	0,31%
4	Xã An Hưng	469	469	100%	469	100%	0	0%
5	Xã An Nghĩa	234	234	100%	233	99,57%	0	0%
6	Xã An Quang	397	397	100%	397	100%	0	0%
7	Xã An Tân	1.323	1.308	98,87%	1.303	98,49%	5	0,38%
8	Xã An Toàn	299	299	100%	299	100%	0	0%
9	Xã An Trung	816	816	100%	816	100%	0	0%
10	Xã An Vinh	546	546	100%	534	97,80%	12	2,20%
TỔNG CỘNG TỈNH BÌNH ĐỊNH		435.293	430.093	98,81%	423.068	97,19%	6.976	1,60%
B	TỈNH GIA LAI							
I	Thành phố Pleiku	58.055	55.376	95,39%	54.984	94,71%	392	0,68%
1	Phường Tây Sơn	1.978	1.871	94,59%	1.864	94,24%	7	0,35%
2	Phường Hội Thương	2.262	2.262	100%	2.257	99,78%	5	0,22%
3	Phường Hoa Lư	4.135	4.021	97,24%	4.011	97,00%	10	0,24%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
4	Phường Phù Đổng	3.827	3.779	98,75%	3.770	98,51%	9	0,24%
5	Xã Trà Đa	1.251	1.251	100%	1.245	99,52%	6	0,48%
6	Phường Trà Bá	3.642	3.279	90,03%	3.253	89,32%	26	0,71%
7	Phường Chi Lăng	2.731	2.516	92,13%	2.508	91,83%	8	0,29%
8	Phường Hội Phú	3.038	2.906	95,66%	2.892	95,19%	14	0,46%
9	Phường Yên Thế	5.072	4.959	97,77%	4.950	97,59%	9	0,18%
10	Phường Đồng Đa	1.966	1.912	97,25%	1.894	96,34%	18	0,92%
11	Phường Thống Nhất	2.649	2.649	100%	2.644	99,81%	5	0,19%
12	Phường Yên Đỗ	3.621	3.490	96,38%	3.476	96,00%	14	0,39%
13	Phường Diên Hồng	2.672	2.645	98,99%	2.627	98,32%	18	0,67%
14	Phường Ia Kring	3.740	3.567	95,37%	3.502	93,64%	65	1,74%
15	Xã Diên Phú	897	747	83,28%	747	83,28%	0	0%
16	Phường Thắng Lợi	3.389	3.289	97,05%	3.249	95,87%	40	1,18%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
17	Xã Chư Á	2.488	2.206	88,67%	2.206	88,67%	0	0%
18	Xã An Phú	2.950	2.769	93,86%	2.769	93,86%	0	0%
19	Xã Biển Hồ	3.586	3.131	87,31%	3.131	87,31%	0	0%
20	Xã Ia Kênh	1.002	998	99,60%	864	86,23%	134	13,37%
21	Xã Gào	1.159	1.129	97,41%	1.125	97,07%	4	0,35%
II	Huyện Chư Păh	20.586	20.154	97,90%	19.901	96,67%	253	1,23%
1	Thị trấn Ia Ly	1.735	1.462	84,27%	1.457	83,98%	5	0,29%
2	Xã Ia Mơ Nông	1.175	1.118	95,15%	1.112	94,64%	6	0,51%
3	Xã Ia Kreng	596	593	99,50%	593	99,50%	0	0%
4	Thị trấn Phú Hòa	1.537	1.534	99,80%	1.527	99,35%	7	0,46%
5	Xã Nghĩa Hòa	1.110	1.110	100%	1.110	100%	0	0%
6	Xã Hòa Phú	1.781	1.781	100%	1.781	100%	0	0%
7	Xã Hà Tây	1.059	1.059	100%	942	88,95%	117	11,05%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
8	Xã Ia Khuol	1.852	1.840	99,35%	1.840	99,35%	0	0%
9	Xã Đăk Tơ Ver	661	661	100%	661	100%	0	0%
10	Xã Ia Ka	1.914	1.830	95,61%	1.822	95,19%	8	0,42%
11	Xã Ia Phí	1.747	1.747	100%	1.747	100%	0	0%
12	Xã Ia Nhin	1.880	1.880	100%	1.879	99,95%	1	0,05%
13	Xã Nghĩa Hưng	2.600	2.600	100%	2.570	98,85%	30	1,15%
14	Xã Chư Đang Ya	939	939	100%	860	91,59%	79	8,41%
III	Huyện Chư Prông	30.331	30.168	99,46%	29.816	98,30%	352	1,16%
1	Thị trấn Chư Prông	2.825	2.825	100%	2.807	99,36%	18	0,64%
2	Xã Ia Phìn	1.626	1.626	100%	1.623	99,82%	3	0,18%
3	Xã Ia Kly	667	667	100%	656	98,35%	11	1,65%
4	Xã Ia Drang	2.252	2.252	100%	2.247	99,78%	5	0,22%
5	Xã Thăng Hưng	1.882	1.826	97,02%	1.785	94,85%	41	2,18%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
6	Xã Bàu Cạn	1.749	1.720	98,34%	1.684	96,28%	36	2,06%
7	Xã Bình Giáo	1.551	1.551	100%	1.535	98,97%	16	1,03%
8	Xã Ia Boòng	1.593	1.593	100%	1.581	99,25%	12	0,75%
9	Xã Ia Me	1.561	1.561	100%	1.512	96,86%	49	3,14%
10	Xã Ia O	921	891	96,74%	848	92,07%	43	4,67%
11	Xã Ia Pior	2.341	2.341	100%	2.288	97,74%	53	2,26%
12	Xã Ia Lâu	2.194	2.147	97,86%	2.147	97,86%	0	0%
13	Xã Ia Pia	1.428	1.428	100%	1.427	99,93%	1	0,07%
14	Xã Ia Ga	1.142	1.142	100%	1.135	99,39%	7	0,61%
15	Xã Ia Vê	1.543	1.543	100%	1.517	98,31%	26	1,69%
16	Xã Ia Băng	1.471	1.470	99,93%	1.460	99,25%	10	0,68%
17	Xã Ia Tôr	1.112	1.112	100%	1.108	99,64%	4	0,36%
18	Xã Ia Bang	992	992	100%	978	98,59%	14	1,41%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
19	Xã Ia Púch	680	680	100%	680	100%	0	0%
20	Xã Ia Mơ	801	801	100%	798	99,63%	3	0,37%
IV	Huyện Chư Sê	29.946	27.182	90,77%	26.270	87,72%	912	3,05%
1	Thị trấn Chư Sê	7.085	6.609	93,28%	6.586	92,96%	23	0,32%
2	Xã Dun	1.034	997	96,42%	989	95,65%	8	0,77%
3	Xã Ia Blang	2.476	2.450	98,95%	2.431	98,18%	19	0,77%
4	Xã Ia Pal	1.530	1.489	97,32%	1.487	97,19%	2	0,13%
5	Xã Ia Glai	1.316	1.126	85,56%	1.121	85,18%	5	0,38%
6	Xã Bar Măih	1.457	1.230	84,42%	1.230	84,42%	0	0%
7	Xã Bờ Ngoong	1.813	1.782	98,29%	1.737	95,81%	45	2,48%
8	Xã Ia Tiêm	2.387	1.611	67,49%	1.611	67,49%	0	0%
9	Xã Chư Pông	1.143	999	87,40%	999	87,40%	0	0%
10	Xã Ia Hlốp	2.308	2.227	96,49%	1.765	76,47%	462	20,02%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
11	Xã Ia Ko	1.468	1.216	82,83%	1.199	81,68%	17	1,16%
12	Xã HBông	2.265	2.061	90,99%	1.759	77,66%	302	13,33%
13	Xã Kông Htok	1.412	1.378	97,59%	1.377	97,52%	1	0,07%
14	Xã Ayun	919	835	90,86%	835	90,86%	0	0%
15	Xã Albá	1.333	1.172	87,92%	1.144	85,82%	28	2,10%
V	Huyện Chư Puh	18.791	17.790	94,67%	17.743	94,42%	47	0,25%
1	Thị trấn Nhơn Hòa	3.010	3.010	100%	3.008	99,93%	2	0,07%
2	Xã Ia Phang	2.618	2.618	100%	2.616	99,92%	2	0,08%
3	Xã Chư Don	942	916	97,24%	914	97,03%	2	0,21%
4	Xã Ia Le	3.112	2.633	84,61%	2.630	84,51%	3	0,10%
5	Xã Ia Blur	1.931	1.828	94,67%	1.828	94,67%	0	0%
6	Xã Ia Dreng	1.778	1.694	95,28%	1.694	95,28%	0	0%
7	Xã Ia Hnú	2.352	2.208	93,88%	2.204	93,71%	4	0,17%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
8	Xã Ia Rong	1.669	1.567	93,89%	1.549	92,81%	18	1,08%
9	Xã Ia Hla	1.379	1.316	95,43%	1.300	94,27%	16	1,16%
VI	Thị xã An Khê	17.668	17.019	96,33%	16.953	95,95%	66	0,37%
1	Phường Tây Sơn	2.575	2.450	95,15%	2.450	95,15%	0	0%
2	Phường An Phú	3.485	3.352	96,18%	3.348	96,07%	4	0,11%
3	Phường Ngô Mây	1.342	1.342	100%	1.341	99,93%	1	0,07%
4	Phường An Phước	885	859	97,06%	856	96,72%	3	0,34%
5	Phường An Tân	920	897	97,50%	897	97,50%	0	0%
6	Xã Thành An	1.434	1.423	99,23%	1.417	98,81%	6	0,42%
7	Phường An Bình	2.271	2.156	94,94%	2.142	94,32%	14	0,62%
8	Xã Tú An	1.446	1.242	85,89%	1.238	85,62%	4	0,28%
9	Xã Xuân An	931	931	100%	920	98,82%	11	1,18%
10	Xã Cửu An	1.011	999	98,81%	999	98,81%	0	0%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
11	Xã Song An	1.368	1.368	100%	1.345	98,32%	23	1,68%
VII	Huyện Đak Pơ	11.507	10.327	89,75%	10.322	89,70%	5	0,04%
1	Thị trấn Đak Pơ	1.552	1.471	94,78%	1.471	94,78%	0	0%
2	Xã Hà Tam	1.119	1.060	94,73%	1.060	94,73%	0	0%
3	Xã An Thành	837	643	76,82%	643	76,82%	0	0%
4	Xã Yang Bắc	1.151	1.112	96,61%	1.112	96,61%	0	0%
5	Xã Phú An	1.371	1.066	77,75%	1.066	77,75%	0	0%
6	Xã Ya Hội	705	635	90,07%	635	90,07%	0	0%
7	Xã Tân An	3.067	3.052	99,51%	3.047	99,35%	5	0,16%
8	Xã Cư An	1.705	1.288	75,54%	1.288	75,54%	0	0%
VIII	Huyện Kbang	18.863	18.243	96,71%	18.179	96,37%	64	0,34%
1	Thị trấn Kbang	4.618	4.618	100%	4.603	99,68%	15	0,32%
2	Xã Lơ Ku	781	751	96,16%	751	96,16%	0	0%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
3	Xã Đak Smar	347	317	91,35%	316	91,07%	1	0,29%
4	Xã Kông Bơ La	1.646	1.540	93,56%	1.518	92,22%	22	1,34%
5	Xã Đông	1.516	1.516	100%	1.506	99,34%	10	0,66%
6	Xã Nghĩa An	1.156	1.156	100%	1.153	99,74%	3	0,26%
7	Xã Kông Long Khong	1.179	1.149	97,46%	1.148	97,37%	1	0,08%
8	Xã Tơ Tung	1.519	1.381	90,92%	1.381	90,92%	0	0%
9	Xã Krong	1.470	1.297	88,23%	1.297	88,23%	0	0%
10	Xã Sơn Lang	1.243	1.243	100%	1.243	100%	0	0%
11	Xã Sơ Pai	1.694	1.626	95,99%	1.626	95,99%	0	0%
12	Xã Kon Pne	451	451	100%	439	97,34%	12	2,66%
13	Xã Đak Rong	1.243	1.198	96,38%	1.198	96,38%	0	0%
IX	Huyện Kông Chro	12.739	11.945	93,77%	11.927	93,63%	18	0,14%
1	Thị trấn Kông Chro	2.772	2.772	100%	2.772	100%	0	0%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
2	Xã Yang Trung	631	515	81,62%	515	81,62%	0	0%
3	Xã Yang Nam	1.278	1.139	89,12%	1.139	89,12%	0	0%
4	Xã Đăk Tơ Pang	374	374	100%	374	100%	0	0%
5	Xã Kông Yang	902	902	100%	902	100%	0	0%
6	Xã Ya Ma	467	417	89,29%	417	89,29%	0	0%
7	Xã Chư Krey	678	678	100%	678	100%	0	0%
8	Xã An Trung	1.411	1.174	83,20%	1.174	83,20%	0	0%
9	Xã Đăk Kơ Ning	717	687	95,82%	687	95,82%	0	0%
10	Xã SRó	958	904	94,36%	904	94,36%	0	0%
11	Xã Đăk Song	520	475	91,35%	475	91,35%	0	0%
12	Xã Đăk Pling	541	541	100%	523	96,67%	18	3,33%
13	Xã Đăk Pơ Pho	568	514	90,49%	514	90,49%	0	0%
14	Xã Chơ Glong	922	853	92,52%	853	92,52%	0	0%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
X	Thị xã Ayun Pa	10.125	10.040	99,16%	10.020	98,96%	20	0,20%
1	Phường Đoàn Kết	1.955	1.934	98,93%	1.934	98,93%	0	0%
2	Phường Sông Bờ	1.563	1.506	96,35%	1.506	96,35%	0	0%
3	Phường Cheo Reo	1.138	1.138	100%	1.122	98,59%	16	1,41%
4	Phường Hòa Bình	1.239	1.239	100%	1.236	99,76%	3	0,24%
5	Xã Ia Rbol	1.053	1.053	100%	1.053	100%	0	0%
6	Xã Chư Băh	1.224	1.224	100%	1.223	99,92%	1	0,08%
7	Xã Ia Rtô	960	953	99,27%	953	99,27%	0	0%
8	Xã Ia Sao	993	993	100%	993	100%	0	0%
XI	Huyện Phú Thiện	22.424	18.269	81,47%	18.259	81,43%	10	0,04%
1	Thị trấn Phú Thiện	5.016	5.016	100%	5.016	100%	0	0%
2	Xã Ia Sol	2.220	1.508	67,93%	1.508	67,93%	0	0%
3	Xã Ia Piar	1.895	1.606	84,75%	1.606	84,75%	0	0%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
4	Xã Ia Yeng	4.040	2.699	66,81%	2.699	66,81%	0	0%
5	Xã Ia AKe	1.867	1.587	85,00%	1.587	85,00%	0	0%
6	Xã Chư A Thai	1.280	1.088	85,00%	1.088	85,00%	0	0%
7	Xã Ayun Hạ	1.546	1.222	79,04%	1.212	78,40%	10	0,65%
8	Xã Chrôh Pơnan	1.138	1.021	89,72%	1.021	89,72%	0	0%
9	Xã Ia Hiao	1.916	1.525	79,59%	1.525	79,59%	0	0%
10	Xã Ia Peng	1.506	997	66,20%	997	66,20%	0	0%
XII	Huyện Ia Pa	14.357	14.138	98,47%	14.037	97,77%	101	0,70%
1	Xã Chư Răng	1.132	1.132	100%	1.125	99,38%	7	0,62%
2	Xã Pờ Tó	2.027	1.989	98,13%	1.989	98,13%	0	0%
3	Xã Ia Mron	3.033	2.956	97,46%	2.956	97,46%	0	0%
4	Xã Kim Tân	1.475	1.475	100%	1.436	97,36%	39	2,64%
5	Xã Ia Trôk	2.367	2.263	95,61%	2.259	95,44%	4	0,17%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
6	Xã Chư Mố	1.571	1.571	100%	1.531	97,45%	40	2,55%
7	Xã Ia Tul	764	764	100%	764	100%	0	0%
8	Xã Ia Broãi	957	957	100%	955	99,79%	2	0,21%
9	Xã Ia Kdăm	1.031	1.031	100%	1.022	99,13%	9	0,87%
XIII	Huyện Krông Pa	20.475	19.176	93,66%	19.155	93,55%	21	0,10%
1	Thị trấn Phú Túc	3.139	2.933	93,44%	2.933	93,44%	0	0%
2	Xã Phú Cần	1.615	1.484	91,89%	1.484	91,89%	0	0%
3	Xã Chư Ngọc	1.168	1.131	96,83%	1.114	95,38%	17	1,46%
4	Xã Ia Mlah	986	902	91,48%	902	91,48%	0	0%
5	Xã Đất Bằng	1.132	1.114	98,41%	1.114	98,41%	0	0%
6	Xã Ia Rmok	1.383	1.296	93,71%	1.296	93,71%	0	0%
7	Xã Ia Dreh	1.133	1.076	94,97%	1.076	94,97%	0	0%
8	Xã Krông Năng	793	755	95,21%	755	95,21%	0	0%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
9	Xã Chư Răm	1.363	1.276	93,62%	1.276	93,62%	0	0%
10	Xã Ia Rsai	1.357	1.290	95,06%	1.286	94,77%	4	0,29%
11	Xã Chư Gu	1.819	1.685	92,63%	1.685	92,63%	0	0%
12	Xã Uar	1.165	1.073	92,10%	1.073	92,10%	0	0%
13	Xã Ia Rsum	1.839	1.675	91,08%	1.675	91,08%	0	0%
14	Xã Chư Drăng	1.583	1.486	93,87%	1.486	93,87%	0	0%
XIV	Huyện Đak Đoa	29.777	29.598	99,40%	28.463	95,59%	1.135	3,81%
1	Thị trấn Đak Đoa	4.099	4.099	100%	4.089	99,76%	10	0,24%
2	Xã Tân Bình	1.360	1.360	100%	1.355	99,63%	5	0,37%
3	Xã Glar	2.251	2.251	100%	1.755	77,97%	496	22,03%
4	Xã Kon Gang	1.014	1.014	100%	1.004	99,01%	10	0,99%
5	Xã Đak Krong	1.534	1.525	99,41%	1.431	93,29%	94	6,13%
6	Xã HNeng	764	764	100%	763	99,87%	1	0,13%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
7	Xã Nam Yang	1.932	1.932	100%	1.879	97,26%	53	2,74%
8	Xã ADok	1.477	1.477	100%	1.339	90,66%	138	9,34%
9	Xã Ia Pét	1.800	1.800	100%	1.791	99,50%	9	0,50%
10	Xã Ia Băng	3.115	3.115	100%	3.019	96,92%	96	3,08%
11	Xã HNol	915	915	100%	913	99,78%	2	0,22%
12	Xã Trang	1.301	1.301	100%	1.300	99,92%	1	0,08%
13	Xã KDang	2.663	2.604	97,78%	2.536	95,23%	68	2,55%
14	Xã Đak Somei	1.511	1.505	99,60%	1.498	99,14%	7	0,46%
15	Xã Hà Đông	966	966	100%	942	97,52%	24	2,48%
16	Xã Hà Bàu	1.815	1.815	100%	1.699	93,61%	116	6,39%
17	Xã Hải Yang	1.260	1.155	91,67%	1.150	91,27%	5	0,40%
XV	Huyện Mang Yang	17.119	16.936	98,93%	16.879	98,60%	57	0,33%
1	Thị trấn Kon Dong	1.811	1.811	100%	1.811	100%	0	0%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
2	Xã Đăk Yă	1.277	1.269	99,37%	1.269	99,37%	0	0%
3	Xã Đak Djrăng	1.686	1.641	97,33%	1.641	97,33%	0	0%
4	Xã Lơ Pang	1.293	1.293	100%	1.293	100%	0	0%
5	Xã Đê Ar	1.181	1.181	100%	1.181	100%	0	0%
6	Xã Kon Thụp	1.672	1.634	97,73%	1.616	96,65%	18	1,08%
7	Xã Đăk Trôi	756	756	100%	720	95,24%	36	4,76%
8	Xã Kon Chiêng	1.580	1.580	100%	1.579	99,94%	1	0,06%
9	Xã Đak Ta Ley	1.005	1.004	99,90%	1.004	99,90%	0	0%
10	Xã Hra	2.132	2.041	95,73%	2.039	95,64%	2	0,09%
11	Xã Ayun	1.998	1.998	100%	1.998	100%	0	0%
12	Xã Đak Jơ Ta	728	728	100%	728	100%	0	0%
XVI	Huyện Ia Grai	25.982	23.204	89,31%	22.899	88,13%	305	1,17%
1	Thị trấn Ia Kha	2.866	2.543	88,73%	2.543	88,73%	0	0%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
2	Xã Ia Grăng	968	968	100%	968	100%	0	0%
3	Xã Ia Bă	1.350	989	73,26%	989	73,26%	0	0%
4	Xã Ia Tô	3.150	2.191	69,56%	2.174	69,02%	17	0,54%
5	Xã Ia Krái	2.536	2.536	100%	2.536	100%	0	0%
6	Xã Ia Khai	1.130	1.017	90%	967	85,58%	50	4,42%
7	Xã Ia Sao	2.359	2.040	86,48%	2.039	86,43%	1	0,04%
8	Xã Ia Yok	2.097	2.072	98,81%	2.011	95,90%	61	2,91%
9	Xã Ia Hrug	1.445	1.313	90,87%	1.313	90,87%	0	0%
10	Xã Ia Dêr	2.229	2.229	100%	2.223	99,73%	6	0,27%
11	Xã Ia Pếch	1.340	1.265	94,40%	1.261	94,10%	4	0,30%
12	Xã Ia Chia	1.929	1.717	89,01%	1.717	89,01%	0	0%
13	Xã Ia O	2.583	2.324	89,97%	2.158	83,55%	166	6,43%
XVII	Huyện Đức Cơ	18.578	18.437	99,24%	17.989	96,83%	448	2,41%

TT	Đơn vị hành chính	Tổng số cử tri lấy ý kiến	Cử tri tham gia ý kiến		Kết quả lấy ý kiến			
			Tổng số	Tỷ lệ so với tổng số cử tri lấy ý kiến (%)	Đồng ý		Không đồng ý	
					Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)	Số lượng	Tỷ lệ so với tổng số cử tri (%)
1	Thị trấn Chư Ty	3.030	2.935	96,86%	2.926	96,57%	9	0,30%
2	Xã Ia Kriêng	1.425	1.425	100%	1.281	89,89%	144	10,11%
3	Xã Ia Dok	2.189	2.189	100%	2.189	100%	0	0%
4	Xã Ia Kla	1.869	1.838	98,34%	1.720	92,03%	118	6,31%
5	Xã Ia Lang	1.129	1.129	100%	1.129	100%	0	0%
6	Xã Ia Krêl	1.975	1.975	100%	1.932	97,82%	43	2,18%
7	Xã Ia Din	1.957	1.957	100%	1.891	96,63%	66	3,37%
8	Xã Ia Pnôn	1.245	1.245	100%	1.213	97,43%	32	2,57%
9	Xã Ia Dom	1.861	1.861	100%	1.845	99,14%	16	0,86%
10	Xã Ia Nan	1.898	1.883	99,21%	1.863	98,16%	20	1,05%
TỔNG CỘNG TỈNH GIA LAI		377.323	358.002	94,88%	353.796	93,76%	4.206	1,11%

Phụ lục II
KẾT QUẢ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP XÃ THÔNG QUA CHỦ TRƯỞNG
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH GIA LAI VÀ TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Số TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân dự họp	Tán thành			Không tán thành		
				Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)	Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)=(8)/(3)	(10)=(8)/(4)
I	THÀNH PHỐ QUY NHƠN	432	396	396	91,7%	100%	0	0%	0%
1	Phường Bùi Thị Xuân	22	20	20	90,9%	100%	0	0%	0%
2	Phường Đống Đa	24	21	21	87,5%	100%	0	0%	0%
3	Phường Ghềnh Ráng	18	17	17	94,4%	100%	0	0%	0%
4	Phường Hải Cảng	17	16	16	94,1%	100%	0	0%	0%
5	Phường Ngô Mây	22	22	22	100%	100%	0	0%	0%
6	Phường Nguyễn Văn Cừ	21	21	21	100%	100%	0	0%	0%
7	Phường Nhơn Bình	19	19	19	100%	100%	0	0%	0%
8	Phường Nhơn Phú	23	22	22	95,7%	100%	0	0%	0%
9	Phường Quang Trung	22	20	20	90,9%	100%	0	0%	0%
10	Phường Thị Nại	55	49	49	89,1%	100%	0	0%	0%
11	Phường Trần Phú	57	51	51	89,5%	100%	0	0%	0%
12	Phường Trần Quang Diệu	21	20	20	95,2%	100%	0	0%	0%

Số TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân dự họp	Tán thành			Không tán thành		
				Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)	Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)=(8)/(3)	(10)=(8)/(4)
13	Xã Nhơn Châu	19	17	17	89,5%	100%	0	0%	0%
14	Xã Nhơn Hải	23	17	17	73,9%	100%	0	0%	0%
15	Xã Nhơn Hội	23	21	21	91,3%	100%	0	0%	0%
16	Xã Nhơn Lý	23	20	20	87,0%	100%	0	0%	0%
17	Xã Phước Mỹ	23	23	23	100%	100%	0	0%	0%
II	THỊ XÃ AN NHƠN	359	338	338	94,2%	100%	0	0%	0%
1	Phường Bình Định	21	20	20	95,2%	100%	0	0%	0%
2	Phường Đập Đá	21	21	21	100%	100%	0	0%	0%
3	Phường Nhơn Hòa	21	19	19	90,5%	100%	0	0%	0%
4	Phường Nhơn Hưng	21	17	17	81,0%	100%	0	0%	0%
5	Phường Nhơn Thành	20	17	17	85,0%	100%	0	0%	0%
6	Xã Nhơn An	26	24	24	92,3%	100%	0	0%	0%
7	Xã Nhơn Hạnh	25	25	25	100%	100%	0	0%	0%
8	Xã Nhơn Hậu	27	27	27	100%	100%	0	0%	0%
9	Xã Nhơn Khánh	25	24	24	96,0%	100%	0	0%	0%
10	Xã Nhơn Lộc	26	25	25	96,2%	100%	0	0%	0%
11	Xã Nhơn Mỹ	27	25	25	92,6%	100%	0	0%	0%

Số TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân dự họp	Tán thành			Không tán thành		
				Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)	Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)=(8)/(3)	(10)=(8)/(4)
12	Xã Nhơn Phong	23	20	20	87,0%	100%	0	0%	0%
13	Xã Nhơn Phúc	25	24	24	96,0%	100%	0	0%	0%
14	Xã Nhơn Tân	26	26	26	100%	100%	0	0%	0%
15	Xã Nhơn Thọ	25	24	24	96,0%	100%	0	0%	0%
III	THỊ XÃ HOÀI NHƠN	366	349	346	94,5%	99,1%	3	0,82%	0,9%
1	Phường Bồng Sơn	21	21	19	90,5%	90,5%	2	9,5%	9,5%
2	Phường Hoài Đức	21	20	19	90,5%	95,0%	1	4,8%	5,0%
3	Phường Hoài Hảo	18	18	18	100%	100%	0	0%	0%
4	Phường Hoài Hương	21	19	19	90,5%	100%	0	0%	0%
5	Phường Hoài Tân	21	21	21	100%	100%	0	0%	0%
6	Phường Hoài Thanh	20	20	20	100%	100%	0	0%	0%
7	Phường Hoài Thanh Tây	19	19	19	100%	100%	0	0%	0%
8	Phường Hoài Xuân	20	20	20	100%	100%	0	0%	0%
9	Phường Tam Quan	18	18	18	100%	100%	0	0%	0%
10	Phường Tam Quan Bắc	21	19	19	90,5%	100%	0	0%	0%
11	Phường Tam Quan Nam	19	18	18	94,7%	100%	0	0%	0%
12	Xã Hoài Châu	24	22	22	91,7%	100%	0	0%	0%

Số TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân dự họp	Tán thành			Không tán thành		
				Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)	Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)=(8)/(3)	(10)=(8)/(4)
13	Xã Hoài Châu Bắc	25	22	22	88,0%	100%	0	0%	0%
14	Xã Hoài Hải	23	21	21	91,3%	100%	0	0%	0%
15	Xã Hoài Mỹ	25	23	23	92,0%	100%	0	0%	0%
16	Xã Hoài Phú	25	23	23	92,0%	100%	0	0%	0%
17	Xã Hoài Sơn	25	25	25	100%	100%	0	0%	0%
IV	HUYỆN PHÙ CÁT	451	426	422	93,6%	99,1%	4	0,9%	0,9%
1	Thị trấn Ngô Mỹ	25	22	22	88,0%	100%	0	0%	0%
2	Thị trấn Cát Tiến	25	21	21	84,0%	100%	0	0%	0%
3	Thị trấn Cát Khánh	26	26	26	100%	100%	0	0%	0%
4	Xã Cát Chánh	24	24	20	83,3%	83,3%	4	16,7%	16,7%
5	Xã Cát Hải	20	18	18	90,0%	100%	0	0%	0%
6	Xã Cát Hanh	28	28	28	100%	100%	0	0%	0%
7	Xã Cát Hiệp	25	24	24	96,0%	100%	0	0%	0%
8	Xã Cát Hưng	23	21	21	91,3%	100%	0	0%	0%
9	Xã Cát Lâm	23	23	23	100%	100%	0	0%	0%
10	Xã Cát Minh	29	28	28	96,6%	100%	0	0%	0%
11	Xã Cát Nhơn	27	24	24	88,9%	100%	0	0%	0%

Số TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân dự họp	Tán thành			Không tán thành		
				Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)	Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)=(8)/(3)	(10)=(8)/(4)
12	Xã Cát Sơn	20	20	20	100%	100%	0	0%	0%
13	Xã Cát Tài	25	25	25	100%	100%	0	0%	0%
14	Xã Cát Tân	27	25	25	92,6%	100%	0	0%	0%
15	Xã Cát Thắng	23	18	18	78,3%	100%	0	0%	0%
16	Xã Cát Thành	26	25	25	96,2%	100%	0	0%	0%
17	Xã Cát Trinh	27	26	26	96,3%	100%	0	0%	0%
18	Xã Cát Tường	28	28	28	100%	100%	0	0%	0%
V	HUYỆN PHÙ MỸ	463	432	432	93,3%	100%	0	0%	0%
1	Thị trấn Phù Mỹ	23	20	20	87,0%	100%	0	0%	0%
2	Thị trấn Bình Dương	23	21	21	91,3%	100%	0	0%	0%
3	Xã Mỹ An	25	22	22	88,0%	100%	0	0%	0%
4	Xã Mỹ Cát	24	23	23	95,8%	100%	0	0%	0%
5	Xã Mỹ Chánh	26	25	25	96,2%	100%	0	0%	0%
6	Xã Mỹ Chánh Tây	23	22	22	95,7%	100%	0	0%	0%
7	Xã Mỹ Châu	23	22	22	95,7%	100%	0	0%	0%
8	Xã Mỹ Đức	24	21	21	87,5%	100%	0	0%	0%
9	Xã Mỹ Hiệp	27	24	24	88,9%	100%	0	0%	0%

Số TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân dự họp	Tán thành			Không tán thành		
				Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)	Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)=(8)/(3)	(10)=(8)/(4)
10	Xã Mỹ Hòa	22	21	21	95,5%	100%	0	0%	0%
11	Xã Mỹ Lộc	25	21	21	84,0%	100%	0	0%	0%
12	Xã Mỹ Lợi	23	23	23	100%	100%	0	0%	0%
13	Xã Mỹ Phong	24	24	24	100%	100%	0	0%	0%
14	Xã Mỹ Quang	23	22	22	95,7%	100%	0	0%	0%
15	Xã Mỹ Tài	25	25	25	100%	100%	0	0%	0%
16	Xã Mỹ Thắng	25	21	21	84,0%	100%	0	0%	0%
17	Xã Mỹ Thành	25	25	25	100%	100%	0	0%	0%
18	Xã Mỹ Thọ	28	26	26	92,9%	100%	0	0%	0%
19	Xã Mỹ Trinh	25	24	24	96,0%	100%	0	0%	0%
VI	HUYỆN TUY PHƯỚC	350	332	332	94,9%	100%	0	0%	0%
1	Thị trấn Tuy Phước	27	24	24	88,9%	100%	0	0%	0%
2	Thị trấn Diêu Trì	27	26	26	96,3%	100%	0	0%	0%
3	Xã Phước An	30	30	30	100%	100%	0	0%	0%
4	Xã Phước Hiệp	28	25	25	89,3%	100%	0	0%	0%
5	Xã Phước Hòa	27	27	27	100%	100%	0	0%	0%
6	Xã Phước Hưng	22	21	21	95,5%	100%	0	0%	0%

Số TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân dự họp	Tán thành			Không tán thành		
				Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)	Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)=(8)/(3)	(10)=(8)/(4)
7	Xã Phước Lộc	29	26	26	89,7%	100%	0	0%	0%
8	Xã Phước Nghĩa	24	23	23	95,8%	100%	0	0%	0%
9	Xã Phước Quang	28	28	28	100%	100%	0	0%	0%
10	Xã Phước Sơn	30	30	30	100%	100%	0	0%	0%
11	Xã Phước Thắng	24	22	22	91,7%	100%	0	0%	0%
12	Xã Phước Thành	26	26	26	100%	100%	0	0%	0%
13	Xã Phước Thuận	28	24	24	85,7%	100%	0	0%	0%
VII	HUYỆN TÂY SƠN	351	342	341	97,2%	100%	1	0,3%	0,3%
1	Thị trấn Phú Phong	27	27	27	100%	100%	0	0%	0%
2	Xã Bình Hòa	25	25	24	96,0%	96,0%	1	4,0%	4,0%
3	Xã Bình Nghi	28	26	26	92,9%	100%	0	0%	0%
4	Xã Bình Tân	21	21	21	100%	100%	0	0%	0%
5	Xã Bình Thành	24	24	24	100%	100%	0	0%	0%
6	Xã Bình Thuận	25	25	25	100%	100%	0	0%	0%
7	Xã Bình Tường	25	23	23	92,0%	100%	0	0%	0%
8	Xã Tây An	23	22	22	95,7%	100%	0	0%	0%
9	Xã Tây Bình	21	20	20	95,2%	100%	0	0%	0%

Số TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân dự họp	Tán thành			Không tán thành		
				Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)	Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)=(8)/(3)	(10)=(8)/(4)
10	Xã Tây Giang	25	25	25	100%	100%	0	0%	0%
11	Xã Tây Phú	23	23	23	100%	100%	0	0%	0%
12	Xã Tây Thuận	23	23	23	100%	100%	0	0%	0%
13	Xã Tây Vinh	23	23	23	100%	100%	0	0%	0%
14	Xã Tây Xuân	24	22	22	91,7%	100%	0	0%	0%
15	Xã Vĩnh An	14	13	13	92,9%	100%	0	0%	0%
VIII	HUYỆN HOÀI AN	330	309	309	93,6%	100%	0	0%	0%
1	Thị trấn Tăng Bạt Hổ	24	24	24	100%	100%	0	0%	0%
2	Xã Ân Đức	25	24	24	96,0%	100%	0	0%	0%
3	Xã Ân Hảo Đông	25	20	20	80,0%	100%	0	0%	0%
4	Xã Ân Hảo Tây	21	20	20	95,2%	100%	0	0%	0%
5	Xã Ân Hữu	23	23	23	100%	100%	0	0%	0%
6	Xã Ân Mỹ	24	22	22	91,7%	100%	0	0%	0%
7	Xã Ân Nghĩa	25	24	24	96,0%	100%	0	0%	0%
8	Xã Ân Phong	21	20	20	95,2%	100%	0	0%	0%
9	Xã Ân Sơn	15	15	15	100%	100%	0	0%	0%
10	Xã Ân Thạnh	25	22	22	88,0%	100%	0	0%	0%

Số TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân dự họp	Tán thành			Không tán thành		
				Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)	Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)=(8)/(3)	(10)=(8)/(4)
11	Xã Ân Tín	26	25	25	96,2%	100%	0	0%	0%
12	Xã Ân Tường Đông	23	20	20	87,0%	100%	0	0%	0%
13	Xã Ân Tường Tây	25	22	22	88,0%	100%	0	0%	0%
14	Xã Bok Tới	14	14	14	100%	100%	0	0%	0%
15	Xã Đak Mang	14	14	14	100%	100%	0	0%	0%
IX	HUYỆN VÂN CANH	130	126	126	96,9%	100%	0	0%	0%
1	Thị trấn Vân Canh	19	19	19	100%	100%	0	0%	0%
2	Xã Canh Hiền	17	17	17	100%	100%	0	0%	0%
3	Xã Canh Hiệp	18	18	18	100%	100%	0	0%	0%
4	Xã Canh Hòa	18	15	15	83,3%	100%	0	0%	0%
5	Xã Canh Liên	17	17	17	100%	100%	0	0%	0%
6	Xã Canh Thuận	17	16	16	94,1%	100%	0	0%	0%
7	Xã Canh Vinh	24	24	24	100%	100%	0	0%	0%
XI	HUYỆN VĨNH THẠNH	150	147	147	98,0%	100%	0	0%	0%
1	Thị trấn Vĩnh Thạnh	18	18	18	100%	100%	0	0%	0%
2	Xã Vĩnh Hảo	16	16	16	100%	100%	0	0%	0%
3	Xã Vĩnh Hiệp	19	19	19	100%	100%	0	0%	0%

Số TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân dự họp	Tán thành			Không tán thành		
				Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)	Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)=(8)/(3)	(10)=(8)/(4)
4	Xã Vĩnh Hòa	13	13	13	100%	100%	0	0%	0%
5	Xã Vĩnh Kim	12	11	11	91,7%	100%	0	0%	0%
6	Xã Vĩnh Quang	21	20	20	95,2%	100%	0	0%	0%
7	Xã Vĩnh Sơn	18	17	17	94,4%	100%	0	0%	0%
8	Xã Vĩnh Thịnh	20	20	20	100%	100%	0	0%	0%
9	Xã Vĩnh Thuận	13	13	13	100%	100%	0	0%	0%
XI	HUYỆN AN LÃO	173	165	165	95,4%	100%	0	0%	0%
1	Thị trấn An Lão	25	25	25	100%	100%	0	0%	0%
2	Xã An Dũng	14	11	11	78,6%	100%	0	0%	0%
3	Xã An Hòa	25	25	25	100%	100%	0	0%	0%
4	Xã An Hưng	15	14	14	93,3%	100%	0	0%	0%
5	Xã An Nghĩa	13	9	9	69,2%	100%	0	0%	0%
6	Xã An Quang	14	14	14	100%	100%	0	0%	0%
7	Xã An Tân	20	20	20	100%	100%	0	0%	0%
8	Xã An Toàn	15	15	15	100%	100%	0	0%	0%
9	Xã An Trung	17	17	17	100%	100%	0	0%	0%
10	Xã An Vinh	15	15	15	100%	100%	0	0%	0%
	TỔNG CỘNG	3.555	3.362	3.354	94,3%	99,8%	8	0,2%	0,2%

Phụ lục III
KẾT QUẢ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP HUYỆN THÔNG QUA CHỦ TRƯỞNG
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH GIA LAI VÀ TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Số TT	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân	Tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân dự họp	Tán thành			Không tán thành		
				Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)	Số lượng	Tỷ lệ (trên tổng số đại biểu HĐND)	Tỷ lệ (trên số đại biểu HĐND dự họp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)	(8)	(9)=(8)/(3)	(10)=(8)/(4)
1	Thành phố Quy Nhơn	33	30	30	90,9%	100%	0	0%	0%
2	Thị xã An Nhơn	34	34	34	100%	100%	0	0%	0%
3	Thị xã Hoài Nhơn	34	32	32	94,1%	100%	0	0%	0%
4	Huyện Phù Cát	34	31	31	91,2%	100%	0	0%	0%
5	Huyện Phù Mỹ	35	33	33	94,3%	100%	0	0%	0%
6	Huyện Tuy Phước	34	32	32	94,1%	100%	0	0%	0%
7	Huyện Tây Sơn	29	28	28	96,6%	100%	0	0%	0%
8	Huyện Hoài Ân	26	26	26	100%	100%	0	0%	0%
9	Huyện Vân Canh	29	29	29	100%	100%	0	0%	0%
10	Huyện Vĩnh Thạnh	26	25	25	96,2%	100%	0	0%	0%
11	Huyện An Lão	26	23	23	88,5%	100%	0	0%	0%
TỔNG CỘNG		340	323	323	95,0%	100%	0	0%	0%